TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỊNH QUÁN** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **18**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 27-5-2019
V/v: "Ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỊNH QUÁN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Quyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Dương Văn Hạnh

Bà Nguyễn Thị Liệu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Trần Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Định Quán.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Định Quán***: Ông Vũ Văn Hội – Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2019, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Định Quán xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 107/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2019 về việc *"Ly hôn",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 1969.

- *Bị đơn*: Ông **Nguyễn Thị N**, sinh năm 1972.
Cùng địa chỉ: ấp 5, xã L, huyện Định Quán, tỉnh Đồng Nai.

(Đương sự vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Đ N trình bày:

Ông và bà N sau thời gian tìm hiểu đã đi đến hôn nhân từ năm 1990, vì gia đình sống trong rẫy, không hiểu biết pháp luật nên từ đó cho đến nay không đi đăng ký kết hôn. Từ khi chung sống với nhau vợ sống hạnh phúc, đến tháng 8/2014 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bà N đi làm rồi không chịu về nhà, ông có đi kiếm và năn nỉ bà N về nhưng vẫn không được. Nay ông nhận thấy cuộc sống vợ chồng không thể hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với bà N.

Về con chung: Ông và bà N có 04 con chung tên là Nguyễn Thị Diễm L - sinh ngày 09/10/1991, Nguyễn Thị Diễm N1 - sinh ngày 08/8/1994, Nguyễn Minh T - sinh ngày 01/11/2001, Nguyễn Minh H - sinh ngày 09/12/2004. Cháu L và cháu N1 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn

đối với cháu T và cháu H thì ông yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi cháu T; còn cháu H để bà N nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Bà thống nhất với trình bày của ông Đ về quan hệ hôn nhân giữa bà và ông Đ. Từ tháng 8/2014 đến nay bà đi làm việc tại Bà Rịa – Vũng Tàu, ít khi về nhà nên giữa bà và ông Đ có xảy ra mâu thuẫn, cự cải với nhau, gia đình đã nhiều lần hòa giải nhưng không được. Nay ông Đ xin ly hôn thì bà đồng ý ly hôn với ông Đ.

Về con chung: Bà và ông Đ có 04 con chung tên là Nguyễn Thị Diễm L - sinh ngày 09/10/1991, Nguyễn Thị Diễm N1 - sinh ngày 08/8/1994, Nguyễn Minh T - sinh ngày 01/11/2001, Nguyễn Minh H - sinh ngày 09/12/2004. Cháu L và cháu N1 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn đối với cháu T và cháu H thì bà yêu cầu được nuôi dưỡng cháu H, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi cháu H; còn cháu T để ông Đ nuôi dưỡng, bà không cấp dưỡng nuôi cháu T.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

Tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị N là vợ chồng.

+ Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh T cho ông Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con; Giao con chung Nguyễn Minh H cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

+ Về án phí: Ông Đ phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn ông Đ có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà N có đơn xin vắng mặt. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Đ, bà N.

[2] Về quan hệ pháp luật: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì quan hệ pháp luật được xác định là "Ly hôn" quy định tại Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Qua lời khai của đương sự và tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập được thể hiện bà N và ông Đ tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1990 cho đến thời điểm hiện nay vẫn không đăng ký kết hôn. Đời sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ năm 2018, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung vợ chồng không thể kéo dài. Ông Đ, bà N đều không muốn hàn gắn tình cảm và không tiếp tục sống chung vợ chồng nên cả hai đều có nguyện vọng ly hôn.

Ông Đ và bà N chung sống như vợ chồng từ năm 1990 đến nay vẫn không đăng ký kết hôn; Thời điểm ông Đ và bà N bắt đầu chung sống là thời điểm Luật hôn nhân gia đình năm 1986 đang có hiệu lực thi hành, Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 quy định *"Việc kết hôn do Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định. Việc kết hôn giữa công dân Việt Nam với nhau ở ngoài nước do cơ quan đại diện ngoại giao của nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam công nhận. Mọi nghi thức kết hôn khác đều không có giá trị pháp lý"*. Theo quy định tại điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000 NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và mục 2 thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 03/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp về việc thực hiện Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 thì nam nữ sống chung với nhau như vợ chồng trong khoảng thời gian từ ngày 03/01/1987 đến ngày 01/01/2001 có đủ điều kiện kết hôn theo quy định thì có nghĩa vụ đăng ký kết hôn trong thời hạn 02 năm (01/01/2001- 01/01/2003); nếu họ đi đăng ký kết hôn trong thời hạn này thì quan hệ hôn nhân được công nhận là đã xác lập kể từ ngày họ bắt đầu chung sống với nhau như vợ chồng, sau ngày 01/01/2003 mà họ không đăng ký kết hôn thì pháp luật không công nhận họ là vợ chồng.

Từ những căn cứ nêu trên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa ông Đ và bà N là không hợp pháp, pháp luật không công nhận ông Đ và bà N là vợ chồng.

Theo Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định "*Trong T hợp không đăng ký kết hôn mà có yêu cầu ly hôn thì Tòa án thụ lý và tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của luật này; nếu có yêu cầu về con và tài sản thì giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của luật này*". Vì vậy, tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị N.

[3.2] Về con chung:

Ông Đ và bà N Bà và ông Đ có 04 con chung tên là Nguyễn Thị Diễm L - sinh ngày 09/10/1991, Nguyễn Thị Diễm N1 - sinh ngày 08/8/1994, Nguyễn Minh T -

sinh ngày 01/11/2001, Nguyễn Minh H - sinh ngày 09/12/2004. Cháu L và cháu N1 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nguyễn Thị Diễm L, Nguyễn Thị Diễm N1 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét. Nguyễn Minh T có ý kiến nguyện vọng được sống với ông Đ, Nguyễn Minh H có ý kiến nguyện vọng được sống với bà N.

Ông Đ và bà N đã thỏa thuận giao con chung Nguyễn Minh T cho ông Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con và thỏa thuận giao con chung Nguyễn Minh H cho bà N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con. Sự thỏa thuận của ông Đ và bà N không trái pháp luật và không trái đạo Đ xã hội nên ghi nhận sự thỏa thuận của đương sự.

[3.3] Về tài sản chung: Ông Đ và bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[3.4] Về nợ chung:

Ông Đ và bà N đều thống nhất khai không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình theo quy định.

Quan điểm của Kiểm sát viên tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986; điểm b mục 3 Nghị quyết số 35/2000 NQ-QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội và mục 2 thông tư liên tịch số 01/2001/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 18/01/2001 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp về việc thực hiện Luật hôn nhân và gia đình năm 2000; các điều 9, 14, 15, 53, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

Tuyên bố không công nhận ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị N là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Minh T cho ông Nguyễn Văn Đ trực tiếp nuôi dưỡng, bà N không phải cấp dưỡng nuôi con; Bà N có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Giao con chung Nguyễn Minh H cho bà Nguyễn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng, ông Đ không phải cấp dưỡng nuôi con; Ông Đ có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con chung chưa thành niên, các bên được quyền thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Văn Đ phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân gia đình. Số tiền 300.000đ tạm ứng án phí ông Đ đã nộp, theo Biên lai thu số 0002083 ngày 19/3/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Định Quán được trừ vào tiền án phí ông Đ phải chịu.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND huyện Định Quán;
- Chi cục THADS huyện Định Quán;
- Lưu.

Phạm Ngọc Quyền

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Dương Văn Hạnh **Nguyễn Thị Liệu** **Phạm Ngọc Quyền**